

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ
VI NA TA BA**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7,
Quận 11, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2016	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016	8
Thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	9 - 21

02
CC
MT
SM
3000
DÓN
DỒ F
NG M
NA
-T.P

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA

Địa chỉ: Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7
Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán 06 tháng
kết thúc vào ngày 30/06/2016

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư VI NA TA BA (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đề trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016.

CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư VI NA TA BA được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103006943 ngày 07 tháng 06 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 20 tháng 02 năm 2014.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 115 tỷ đồng.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Triết	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 21/04/2016)
Ông Nguyễn Đức Thuận	Thành viên
Ông Thái Hoàng Long	Thành viên
Ông Nguyễn Sỹ Khoa	Thành viên (bổ nhiệm ngày 21/04/2016)
Bà Nguyễn Thị Thu Nguyệt	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Vũ Thị Mai Thủy	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Dung	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Bình	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Đức Thuận	Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Tông	Phó Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



NGUYỄN ĐỨC THUẬN

Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2016

Số: 17.194/BCSX-RSM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BA**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư VI NA TA BA, được lập ngày 15 tháng 08 năm 2016, từ trang 05 đến trang 21, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư VI NA TA BA chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư VI NA TA BA tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



LỤC THỊ VÂN

Phó Tổng giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2013-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		71.491.335.527	49.282.721.703
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	42.848.417.167	10.712.676.488
1. Tiền	111		39.848.417.167	7.712.676.488
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.000.000.000	3.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		21.061.710.474	18.944.787.206
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	(5.3)	20.893.337.890	17.160.378.522
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		132.396.984	
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		35.975.600	1.784.408.684
III. Hàng tồn kho	140	(5.4)	7.563.688.492	18.450.721.168
1. Hàng tồn kho	141		7.563.688.492	18.450.721.168
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		17.519.394	1.174.536.841
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		17.519.394	9.599.639
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			1.164.937.202
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		99.463.425.448	102.808.163.459
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		15.000.000	15.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		15.000.000	15.000.000
II. Tài sản cố định	220		1.664.975.157	2.667.706.141
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.5)	1.664.975.157	2.667.706.141
Nguyên giá	222		13.375.911.529	12.625.247.893
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.710.936.372)	(9.957.541.752)
2. Tài sản cố định vô hình	227			
Nguyên giá	228		95.000.000	95.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(95.000.000)	(95.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		7.826.780.273	7.959.667.884
Nguyên giá	231	(5.6)	7.979.619.120	7.979.619.120
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(152.838.847)	(19.951.236)
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	(5.2)	5.000.000.000	5.000.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		5.000.000.000	5.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		84.956.670.018	87.165.789.434
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	(5.7)	84.956.670.018	87.165.789.434
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		170.954.760.975	152.090.885.162

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		43.404.228.338	30.241.800.522
I. Nợ ngắn hạn	310		41.462.261.494	28.728.332.578
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	(5.9)	28.236.428.831	19.933.196.837
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		18	127.545.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	(5.10)	2.653.442.248	3.299.862.957
4. Phải trả người lao động	314	(5.11)	1.268.110.645	501.742.957
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	(5.12)	537.926.377	585.896.167
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		18.181.818	
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	(5.13)	6.814.146.556	2.979.563.659
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	(5.8)	1.300.000.000	1.300.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		634.025.001	525.001
II. Nợ dài hạn	330		1.941.966.844	1.513.467.944
1. Phải trả dài hạn khác	337	(5.13)	1.941.966.844	1.513.467.944
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		127.550.532.637	121.849.084.640
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.14.1)	127.550.532.637	121.849.084.640
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	(5.14.2)	114.000.000.000	114.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		114.000.000.000	114.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		314.868.226	314.868.226
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		434.910.044	61.262.340
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12.800.754.367	7.472.954.074
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		179.306.370	(3.526.565.504)
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		12.621.447.997	10.999.519.578
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		170.954.760.975	152.090.885.162



NGUYỄN ĐỨC THUẬN

Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2016

NGƯỜI LẬP

CAO PHƯỚC THÁI HÒA

Trưởng phòng Kế toán - Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		378.271.963.183	72.478.915.021
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(5.16)	378.271.963.183	72.478.915.021
4. Giá vốn hàng bán	11	(5.17)	356.141.015.254	66.612.605.902
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		22.130.947.929	5.866.309.119
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		57.604.876	82.233.565
7. Chi phí tài chính	22		59.150.000	59.175.000
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		59.150.000	59.175.000
8. Chi phí bán hàng	25	(5.18)	2.621.585.873	2.551.335.981
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(5.19)	4.542.572.896	2.240.945.687
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.965.244.036	1.097.086.016
11. Thu nhập khác	31	(5.20)	2.924.113.975	3.429.346.971
12. Chi phí khác	32	(5.21)	1.670.262.748	1.254.446.998
13. Lợi nhuận khác	40		1.253.851.227	2.174.899.973
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16.219.095.263	3.271.985.989
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(5.23)	3.597.647.266	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		12.621.447.997	3.271.985.989
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	(5.14.5)	1.050	287
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	(5.14.5)	1.050	287


PHÊ DUYỆT


NGUYỄN ĐỨC THUẬN

Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2016

NGƯỜI LẬP



CAO PHƯỚC THÁI HÒA

Trưởng phòng Kế toán - Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		16.219.095.263	3.271.985.989
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BDSĐT	02		1.886.282.231	1.320.715.128
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(57.604.876)	(82.233.565)
Chi phí lãi vay	06		59.150.000	59.175.000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		18.106.922.618	4.569.642.552
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(951.986.066)	(11.053.972.452)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		10.887.032.676	(8.094.194.038)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		7.135.687.249	14.771.781.296
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.201.199.661	1.135.747.962
Tiền lãi vay đã trả	14		(49.400.000)	(49.425.000)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.484.156.699)	
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(16.500.000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		32.828.799.439	1.279.580.320
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(750.663.636)	
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		57.604.876	82.233.565
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(693.058.760)	82.233.565
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34			(200.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40			(200.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		32.135.740.679	1.161.813.885
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		10.712.676.488	6.343.427.381
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		42.848.417.167	7.505.241.266

PHÊ DUYỆT

NGUYỄN ĐỨC THUẬN

Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2016

NGƯỜI LẬP

CAO PHƯỚC THÁI HÒA

Trưởng phòng Kế toán - Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư VI NA TA BA (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103006943 ngày 07 tháng 06 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0305020995 ngày 20 tháng 02 năm 2014.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 115 tỷ đồng.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 18 (31/12/2015: 18 nhân viên).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại, dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Mua bán nguyên phụ liệu ngành thuốc lá; giấy, vật tư ngành in;
- Mua bán máy móc, thiết bị ngành thuốc lá; phụ tùng máy móc ngành thuốc lá;
- Kinh doanh vận chuyển hàng hóa bằng ô tô;
- Kinh doanh vận chuyển hàng hoá bằng tàu hỏa;
- Mua bán thuốc lá điều sản xuất trong nước;
- Dịch vụ giao nhận hàng hoá xuất nhập khẩu;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Tư vấn đầu tư;
- Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Lập dự án đầu tư;
- Kinh doanh bất động sản (trừ dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản);
- Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì (trừ tái chế phế thải, sản xuất bột giấy);
- Bán buôn thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở);
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016.

3.3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là chứng từ ghi sổ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính năm 2015.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	2.079.972.431	18.913.611
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	37.768.444.736	7.693.762.877
Các khoản tương đương tiền	3.000.000.000	3.000.000.000
Cộng	42.848.417.167	10.712.676.488

Tương đương tiền là khoản tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại ngân hàng Việt Nam Thương Tín với lãi suất 5%/năm.

5.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Bao Bi Hiệp Nguyên VINA	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
Công ty CP Chứng khoán Nhất Việt	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
Cộng	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

5.3. Phải thu của khách hàng

	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn:		
Công ty TNHH MTV Thương mại Thúy Liên	1.913.175.000	-
Công ty TNHH Thương Mại Phú Thịnh	1.700.600.000	1.275.450.000
Công ty Cổ phần Vạn Thịnh	1.275.450.000	2.125.750.000
Doanh nghiệp tư nhân Tiến Đạt	1.275.450.000	850.300.000
Công ty CP Thực phẩm nông sản Quảng Ngãi	1.275.450.000	850.300.000
Doanh nghiệp tư nhân Quỳnh Lan	1.062.875.000	371.089.000
Các khách hàng khác	12.390.337.890	11.687.489.522
Cộng	20.893.337.890	17.160.378.522

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.4. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/06/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	92.415.692	-	8.974.328	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	222.467.400	-	320.427.400	-
Hàng hóa	7.248.805.400	-	18.121.319.440	-
Cộng	7.563.688.492	-	18.450.721.168	-

5.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2016	11.260.097.994	1.179.243.380	185.906.519	12.625.247.893
Mua trong kỳ		750.663.636		750.663.636
Tại ngày 30/06/2016	11.260.097.994	1.929.907.016	185.906.519	13.375.911.529
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2016	8.757.853.992	1.066.125.921	133.561.839	9.957.541.752
Khấu hao trong kỳ	1.668.162.664	77.339.244	7.892.712	1.753.394.620
Tại ngày 30/06/2016	10.426.016.656	1.143.465.165	141.454.551	11.710.936.372
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2016	2.502.244.002	113.117.459	52.344.680	2.667.706.141
Tại ngày 30/06/2016	834.081.338	786.441.851	44.451.968	1.664.975.157

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 279.949.776 đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.6. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
Bất động sản đầu tư cho thuê:				
Nguyên giá:				
Nhà	7.979.619.120	-	-	7.979.619.120
Cộng	7.979.619.120	-	-	7.979.619.120
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Nhà	19.951.236	132.887.611	-	152.838.847
Cộng	19.951.236	132.887.611	-	152.838.847
Giá trị còn lại:				
Nhà	7.959.667.884			7.826.780.273
Cộng	7.959.667.884			7.826.780.273

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ do Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

5.7. Chi phí trả trước

	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
	VND	VND
Dài hạn:		
Chi phí thuê Cao ốc Số 83A Đường Lý Thường Kiệt	84.627.234.913	86.725.411.573
Chi phí công cụ, dụng cụ	74.773.769	78.254.241
Chi phí khác	254.661.336	362.123.620
Cộng	84.956.670.018	87.165.789.434

5.8. Vay và nợ thuê tài chính

Vay ngắn hạn là các khoản vay cá nhân tín chấp có thời hạn 3 tháng, mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh và chịu lãi suất 9%/năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.9. Phải trả người bán

	Tại ngày 30/06/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn:				
Công ty TNHH MTV thuốc lá Sài Gòn	27.968.497.854	27.968.497.854	19.480.904.300	19.480.904.300
Phải trả cho các đối tượng khác	267.930.977	267.930.977	452.292.537	452.292.537
Cộng	<u>28.236.428.831</u>	<u>28.236.428.831</u>	<u>19.933.196.837</u>	<u>19.933.196.837</u>

5.10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 01/01/2016	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Tại ngày 30/06/2016
	VND	VND	VND	VND
Phải nộp:				
Thuế giá trị gia tăng	-	2.296.839.719	2.044.874.959	251.964.760
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.270.508.114	3.597.647.266	4.484.156.699	2.383.998.681
Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
Thuế thu nhập cá nhân	29.354.843	151.158.360	163.034.396	17.478.807
Cộng	<u>3.299.862.957</u>	<u>6.049.645.345</u>	<u>6.696.066.054</u>	<u>2.653.442.248</u>

5.11. Phải trả người lao động

Là quỹ lương trong kỳ còn phải trả cho người lao động.

5.12. Chi phí phải trả:

	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn:		
Trích trước phí mua căn hộ Tây Nguyên Plaza	457.429.119	457.429.119
Các khoản trích trước khác	80.497.258	128.467.048
Cộng	<u>537.926.377</u>	<u>585.896.167</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.13. Phải trả khác

	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn:		
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	6.727.745.000	457.745.000
Phải trả các khoản hỗ trợ kinh phí đầu tư và phát triển thị trường	7.715.000	2.453.406.403
Các khoản phải trả, phải nộp khác	78.686.556	68.412.256
Cộng	6.814.146.556	2.979.563.659
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ cho thuê văn phòng từ VPĐD Tổ chức ChildFund Australia tại Việt Nam	839.980.976	839.980.976
Nhận ký quỹ cho thuê văn phòng từ Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư ISC	367.416.312	367.416.312
Nhận ký quỹ cho thuê văn phòng từ Công ty TNHH Thương Mại LK	246.070.656	246.070.656
Nhận ký quỹ cho thuê văn phòng từ Công ty CP Maison Retail Management International	388.498.900	-
Khác	100.000.000	60.000.000
Cộng	1.941.966.844	1.513.467.944

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VI NA TA BAĐịa chỉ: 899 Đường 3 tháng 2, Phường 7,
Quận 11, TPHCM, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**
Cho kỳ kế toán 06 tháng
kết thúc vào ngày 30/06/2016**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****5.14. Vốn chủ sở hữu****5.14.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				
	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư và phát triển	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2015	114.000.000.000	314.868.226	61.262.340	(3.526.565.504)	110.849.565.062
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	3.271.985.989	3.271.985.989
Số dư tại ngày 30/06/2015	114.000.000.000	314.868.226	61.262.340	(254.579.515)	114.121.551.051
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	7.727.533.589	7.727.533.589
Số dư tại ngày 01/01/2016	114.000.000.000	314.868.226	61.262.340	7.472.954.074	121.849.084.640
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	12.621.447.997	12.621.447.997
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	(6.270.000.000)	(6.270.000.000)
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	373.647.704	(373.647.704)	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(650.000.000)	(650.000.000)
Số dư tại ngày 30/06/2016	114.000.000.000	314.868.226	434.910.044	12.800.754.367	127.550.532.637

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 10 số 0305020995 ngày 20 tháng 02 năm 2014, vốn điều lệ của Công ty là 115 tỷ đồng. Vốn thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 114 tỷ đồng, đạt 99,13% vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

5.14.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
	VND	VND
Tổng Công ty Thuốc Lá Việt Nam (*)	-	15.050.000.000
Các cổ đông khác	114.000.000.000	98.950.000.000
Cộng	114.000.000.000	114.000.000.000

(*) Đến ngày 20 tháng 06 năm 2016, Tổng Công ty Thuốc Lá Việt Nam hoàn tất giao dịch chuyển nhượng toàn bộ vốn đầu tư tại Công ty cho các nhà đầu tư khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.14.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn góp đầu năm	114.000.000.000	114.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	114.000.000.000	114.000.000.000

5.14.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	11.500.000	11.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	11.400.000	11.400.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành:	11.400.000	11.400.000
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.		

5.14.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi sau thuế của cổ đông Công ty	12.621.447.997	3.271.985.989
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(650.000.000)	-
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	11.400.000	11.400.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.050	287

5.15. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	ĐVT	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
Tài sản nhận giữ hộ - Thiết bị văn phòng:			
Tổng đài điện thoại	Cái	1	1
Máy lạnh các loại	Cái	8	8
Bàn các loại	Cái	21	21
Ghế các loại	Cái	67	67
Tủ hồ sơ	Cái	5	5
Salon	Cái	3	3
Vách ngăn	Cái	2	2
Quầy tiếp tân	Cái	1	1
Điện thoại bàn	Cái	19	19
Máy fax	Cái	1	1
Máy Photocopy	Cái	1	1
Máy nước nóng, lạnh	Cái	5	5

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.16. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng	374.652.516.360	68.863.815.864
Doanh thu dịch vụ cho thuê, chuyển nhượng quyền thuê văn phòng	3.095.422.063	2.882.658.757
Doanh thu dịch vụ vận chuyển	54.024.760	732.440.400
Doanh thu dịch vụ tư vấn	470.000.000	-
Cộng	<u>378.271.963.183</u>	<u>72.478.915.021</u>

5.17. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	352.223.287.837	63.928.539.760
Giá vốn dịch vụ cho thuê phòng, chuyển nhượng quyền thuê văn phòng	3.601.877.037	2.362.832.351
Giá vốn của dịch vụ vận chuyển	20.194.880	321.233.791
Giá vốn dịch vụ tư vấn	295.655.500	-
Cộng	<u>356.141.015.254</u>	<u>66.612.605.902</u>

5.18. Chi phí bán hàng

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	741.818	6.460.000
Chi phí khấu hao	30.850.209	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.024.545.906	30.229.572
<i>Cước vận chuyển</i>	1.013.398.045	30.229.572
<i>Khác</i>	11.147.861	-
Chi phí bằng tiền khác	1.565.447.940	2.514.646.409
<i>Chi phí hỗ trợ kinh phí đầu tư và phát triển thị trường</i>	347.861.050	1.703.214.673
<i>Chi phí sản phẩm mẫu</i>	1.182.994.390	740.962.740
<i>Khác</i>	34.592.500	70.468.996
Cộng	<u>2.621.585.873</u>	<u>2.551.335.981</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.19. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.822.126.784	1.205.939.184
Chi phí vật liệu quản lý	31.843.036	39.451.204
Chi phí đồ dùng văn phòng	85.983.162	30.742.289
Chi phí khấu hao tài sản cố định	55.781.518	50.706.060
Thuế, phí và lệ phí	13.766.702	13.289.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	700.568.424	378.877.660
<i>Chi phí thuê văn phòng</i>	162.000.000	138.000.000
<i>Chi phí điện, nước, điện thoại</i>	66.957.752	61.806.775
<i>Chi phí dịch vụ bảo vệ</i>	65.000.000	65.000.000
<i>Công tác phí</i>	108.461.894	44.694.924
<i>Chi phí khác</i>	298.148.778	69.375.961
Chi phí bằng tiền khác	832.503.270	521.939.790
<i>Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát</i>	120.000.000	114.000.000
<i>Chi phí tiếp khách</i>	195.397.907	114.690.272
<i>Chi phí khác</i>	517.105.363	293.249.518
Cộng	4.542.572.896	2.240.945.687

5.20. Thu nhập khác

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Thu nhập cho thuê tài sản cố định	2.700.000.000	2.700.000.000
Nhận tiền thưởng từ Công ty Thuốc lá Sài Gòn	200.000.000	-
Công ty Thuốc lá Sài Gòn hỗ trợ phát triển thị trường	-	577.160.000
Thu nhập khác	24.113.975	152.186.971
Cộng	2.924.113.975	3.429.346.971

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

21. Chi phí khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí khấu hao tài sản cố định cho thuê	1.668.162.664	1.251.121.998
Các khoản khác	2.100.084	3.325.000
Cộng	1.670.262.748	1.254.446.998

22. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	342.453.386.611	72.718.405.009
Chi phí nhân công	2.822.126.784	1.244.261.264
Chi phí khấu hao tài sản cố định	219.519.338	71.272.866
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.204.298.675	816.946.813
Chi phí khác bằng tiền	4.635.368.575	4.635.430.288
Cộng	352.334.699.983	79.486.316.240

23. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ này	3.597.647.266	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	3.597.647.266	-

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	16.219.095.263	3.271.985.989
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	1.769.141.069	2.078.342.749
Trừ: Chuyển lỗ năm 2012	-	(5.350.328.738)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	17.988.236.332	-
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	22%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	3.597.647.266	-
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ này	3.597.647.266	-

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo hướng dẫn quyết toán năm 2015 (Luật thuế TNDN)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.24. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có giao dịch trọng yếu với các đơn vị và cá nhân dưới đây được xác định là các bên liên quan theo định nghĩa của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26:

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

- Thủ lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và thu nhập của Ban Giám đốc:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thủ lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	114.000.000	108.000.000
Thu nhập Giám đốc	328.074.438	206.329.465
Cộng	442.074.438	314.329.465

5.25. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ TOÁN

Đến ngày 20 tháng 07 năm 2016, sau khi thực hiện giao dịch mua thêm 850.000 cổ phiếu, Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam nắm giữ 1.250.000 cổ phiếu, tương ứng 10,96% lượng cổ phiếu đang lưu hành và trở thành cổ đông lớn của Công ty.

5.26. CÁC THÔNG TIN THUYẾT MINH KHÁC

Doanh thu bán hàng 6 tháng đầu năm 2016 của Công ty đạt 378 tỷ đồng, tăng 305 tỷ đồng (tương đương tăng gấp 5.22 lần) so với doanh thu bán hàng 6 tháng đầu năm 2015 chủ yếu do Công ty kinh doanh sản phẩm mới SAIGON Silver Demi Slim BC với doanh thu khoảng 367 tỷ đồng.

6. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 được Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 15 tháng 08 năm 2016.

PHÊ DUYỆT


NGUYỄN ĐỨC THUẬN

Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2016

NGƯỜI LẬP



CAO PHƯỚC THÁI HÒA

Trưởng phòng Tài chính - Kế toán